

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV NĂM 2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện quý IV/2022	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ%)	Ước thực hiện quý IV/2021 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A.	TỔNG SỐ THU, CHI HỌC PHÍ VÀ THU SỰ NGHIỆP KHÁC				
I.	Số thu học phí và thu sự nghiệp khác	2.736.381.000	1.336.090.500	49%	#DIV/0!
1	Số thu Học phí	1.057.131.000	713.490.500	67%	#DIV/0!
2	Số thu sự nghiệp khác	1.679.250.000	622.600.000	37%	176%
	Chăm sóc Bán trú	803.250.000	311.700.000	39%	125%
	Trông giữ ngày thứ 7	337.500.000	148.450.000	44%	141%
	Học phẩm	89.250.000	81.150.000	91%	27050%
	TTBPV Bán trú	89.250.000	81.300.000	91%	27100%
	Học hè	360.000.000	304.000.000	84%	135%
II.	Số chi học phí và thu sự nghiệp khác	2.736.381.000	1.084.612.491	40%	487%
1	Số chi từ nguồn thu Học phí	1.057.131.000	402.519.950	38%	16772%
2	Số chi từ hoạt động sự nghiệp khác	1.679.250.000	682.092.541	41%	37894%

	Chăm sóc Bán trú	803.250.000	314.964.060	39%	104988%
	Trông giữ ngày thứ 7	337.500.000	163.309.550	48%	108873%
	Học phẩm	89.250.000	76.834.668	86%	51223%
	TTBPV Bán trú	89.250.000	80.285.332	90%	0%
	Học hè	360.000.000	46.698.931	13%	0%
B	DỰ TOÁN CHI NSNN	5.693.000.000			
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	5.693.000.000	1.753.871.157	31%	#DIV/0!
3,1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.693.000.000	1.753.871.157	31%	#DIV/0!
*	Chi thanh toán cá nhân	4.525.162.200	1.333.298.259	29%	170%
6000	Tiền lương	2.148.639.600	570.903.130	27%	242%
6050	Tiền công	510.652.800	173.152.016	34%	136%
6100	Các khoản phụ cấp theo lương	1.075.259.440	271.733.650	25%	167%
6300	Các khoản trích nộp theo lương	790.610.360	162.509.463	21%	97%
6404	Thu nhập khác		155.000.000	#DIV/0!	171%
*	Chi về hàng hóa, dịch vụ	1.069.837.800	326.131.398	30%	#DIV/0!
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	280.400.000	70.193.292	25%	26%
6550	Văn phòng phẩm	133.172.000	8.633.000	6%	25%
6600	Thông tin tuyên truyền, liên lạc	119.700.000	936.026	1%	7%
6650	Hội nghị	19.950.000	-	0%	0%
6700	Khoản công tác phí	26.400.000	6.600.000	25%	
6750	Chi phí thuê mướn		-		0%
6900	Sửa chữa thường xuyên TSCĐ	66.615.800	18.326.000	28%	
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	395.600.000	221.443.080	56%	
7050	Mua sắm tài sản vô hình	28.000.000	-	0%	
*	Chi khác	98.000.000	-	0%	100%
7750	Chi khác	98.000.000	0	0%	
3,2	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ-CCTL				



3,3	Kinh phí không tự chủ(02.12)				
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn		94.441.500		
3,4	Kinh phí không tự chủ- KPCCTL	0			
6000	Tiền lương				
6300	Các khoản trích nộp theo lương				



CHỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Trần Thị Diệu Anh



Trâu Quỳ, ngày 05 tháng 01 năm 2023

**THUYẾT MINH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH
QUÝ IV NĂM 2022**

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-Cp ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 8899/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2021 của UBND Huyện Gia Lâm về việc Giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 của huyện Gia Lâm;

Căn cứ vào thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ số liệu thực hiện thu, chi ngân sách của trường Quý IV năm 2022 đã đối chiếu khớp đúng với kho bạc Nhà nước huyện Gia Lâm. Trường mầm non thị trấn Trâu Quỳ thuyết minh về thực hiện dự toán ngân sách Quý IV năm 2022 với những nội dung cụ thể như sau:

A. Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí

I/ Dự toán thu Quý IV năm 2022

1. Thu phí , lệ phí : 714.490.500đ .

- Thu học phí quý IV thu được: 714.490.500đ (Bảy trăm mười bốn triệu bốn trăm chín mươi nghìn năm trăm đồng.) Đạt 67% so với dự toán đầu năm 2022.

2. Thu sự nghiệp khác tổng thu được 622.600.000đ

- Thu tiền chăm sóc bán trú thu được: 311.700.000đ (Ba trăm mười một triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn.) Đạt 39% so với dự toán đầu năm 2022.

- Thu tiền trông giữ ngày thứ 7 thu được: 148.450.000đ (Một trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) Đạt 44% so với dự toán đầu năm 2022.

- Thu tiền Học phẩm được: 81.150.000đ (Tám một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.) Đạt 91% so với dự toán đầu năm 2022.

- Thu tiền trang thiết bị phục vụ bán trú được: 81.300.000đ (Tám một triệu ba trăm nghìn đồng chẵn.) Đạt 91% so với dự toán đầu năm 2022.

II/ Dự toán chi Quý IV năm 2022

1. Chi từ nguồn thu phí được để lại

- Chi thực hiện chế độ tự chủ chi: 402.519.950đ (bốn trăm linh hai triệu năm trăm mười chín nghìn chín trăm năm mươi đồng.) Đạt 38% so với dự toán đầu năm 2022.

2. Chi từ hoạt động sự nghiệp khác chi 682.092.541đ.

- Chi từ nguồn chăm sóc bán trú chi 314.964.060đ (Ba trăm mười bốn triệu chín trăm sáu mươi nghìn không trăm sáu mươi đồng.) Đạt 39% so với dự toán đầu năm 2022.

- Chi từ nguồn trông giữ ngày thứ 7 chi 163.309.550đ (Một trăm sáu ba triệu ba trăm linh chín nghìn năm trăm lăm mươi đồng) Đạt 75% so với dự toán đầu năm 2022.

- Chi từ nguồn học phẩm chi 76.834.668đ (bảy mươi sáu triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn sáu trăm sáu mươi tám đồng) Đạt 86% so với dự toán đầu năm 2022.

- Chi từ nguồn trang thiết bị phục vụ bán trú chi 80.285.332đ (Tám mươi triệu hai trăm tám mươi năm nghìn ba trăm ba mươi hai đồng chẵn) Đạt 90% so với dự toán đầu năm 2022.

- Chi từ nguồn học hè 46.698.931đ (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm chín tám nghìn chín trăm ba mươi một đồng) Đạt 13% so với dự toán đầu năm 2022.

B. Dự toán chi ngân sách nhà nước

1. Chi từ nguồn ngân sách cấp chi 1.753.871.157 đạt 31% so với dự toán đầu năm.

- Chi thanh toán cá nhân chi 1.332.298.259đ (Một tỉ ba trăm ba trăm ba hai triệu hai trăm chín tám nghìn hai trăm năm chín đồng) đạt 29% so với dự toán đầu năm.

- Chi thanh toán dịch vụ công cộng chi 70.193.292đ (Bảy mươi triệu một trăm chín ba nghìn hai trăm chín hai đồng) đạt 25% so với dự toán đầu năm.

- Chi vật tư văn phòng chi 8.633.000đ (Tám triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn đồng chẵn) đạt 6% so với dự toán đầu năm.

- Chi Thông tin, tuyên truyền, liên lạc chi 936.026đ (Chín trăm ba mươi sáu nghìn không trăm hai mươi sáu đồng chẵn) đạt 1% so với dự toán đầu năm.



- Chi khoán công tác phí chi 6.600.000đ (Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) đạt 25% so với dự toán đầu năm.
- Chi thuê mướn chi 0đ
- Chi nghiệp vụ chuyên môn chi 221.443.080đ (Hai trăm hai một triệu bốn trăm bốn ba nghìn không trăm tám mươi đồng) đạt 56% so với dự toán đầu năm.

1.2 Nguồn không tự chủ cấp bù học phí chuyển sang nguồn học phí: 509.368.500

Trên đây là một số nội dung thuyết minh báo cáo thực hiện dự toán ngân sách Quý IV năm 2022 của trường mầm non thị trấn Trâu Quỳnh. Trường mầm non thị trấn Trâu Quỳnh báo cáo Phòng Tài chính và kế hoạch huyện Gia Lâm để nhà trường có cơ sở thực hiện!

Nơi nhận:

- Phòng TC&KH Huyện Gia Lâm.
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Diệu Anh

